

NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ

CÁC CÁCH KIỂM TRA NGOẠI NGỮ VÀ ÁP DỤNG KIỂM TRA SINH VIÊN VỀ KỸ NĂNG ĐỌC VÀ VIẾT TIẾNG ANH ĐẶNG THỊ TOÀN THU*

TÓM TẮT: Trong thời gian qua, cùng với những đổi mới về các phương pháp giảng dạy và trong chương trình giảng dạy ngoại ngữ, đặc biệt là môn tiếng Anh, thì việc kiểm tra đánh giá trình độ ngoại ngữ của sinh viên cũng đã được cải tiến nhằm đánh giá được trình độ sinh viên một cách chính xác hơn và khuyến khích việc dạy và học trên lớp hơn.

Bài viết này, sau khi trình bày vắn tắt ba trường phái kiểm tra ngoại ngữ (trường phái ngôn ngữ học cấu trúc/ cấu trúc luận, ngôn ngữ học xã hội và ngôn ngữ giao tiếp), đưa ra ý kiến rằng, cách thức kiểm tra đánh giá môn tiếng Anh là sự kết hợp của cả ba trường phái trên. Đồng thời bài viết còn nêu ra rằng trong hai năm trở lại đây, bài thi tiếng Anh có những thay đổi quan trọng về độ dài, nội dung và thang điểm. Đặc biệt là các phần kiểm tra kỹ năng đọc và viết một cách trực tiếp đã được thiết kế một cách hợp lý hơn và nhận được số điểm lớn hơn trên tổng điểm của toàn bài thi so với trước đây, và như vậy bài thi sẽ đánh giá được kỹ năng đọc và viết của sinh viên chính xác hơn, đồng thời khuyến khích sinh viên và giáo viên chú trọng đến hai kỹ năng này nhiều hơn trên lớp.

TỪ KHOẢ: các trường phái; đánh giá; kiểm tra ngoại ngữ; ảnh hưởng ngược; kỹ năng đọc và viết.

NHẬN BÀI: 24/12/2021.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 6/4/2022

1. Đặt vấn đề

Để thiết kế một bài thi ngoại ngữ nói chung và tiếng Anh nói riêng, cho phép kiểm tra được trình độ người học một cách chính xác và đầy đủ, chúng ta cần có sự hiểu biết về các quan điểm, các trường phái trong kiểm tra ngoại ngữ cũng như những ưu điểm và những hạn chế của từng trường phái xét về các tiêu chí như tính hiệu lực, độ tin cậy, và tính thực tiễn. Nói đến tính hiệu lực của đề thi là nói đến việc đề thi có kiểm tra được phần kiến thức hay kỹ năng mà người ra đề dự định hay không; độ tin cậy của đề thi liên quan đến mức độ mà chúng ta có thể tin tưởng vào kết quả thi; tính thực tiễn của đề thi liên quan đến chi phí và thời gian dành cho việc thiết kế đề, tổ chức, giám sát thi, và chấm thi. Sự hiểu biết này rất quan trọng vì tùy theo quan điểm của người ra đề thi mà hình thức thi, nội dung bài thi, và kết quả bài thi sẽ khác đi.

Dưới đây tác giả xin trình bày vắn tắt về một số trường phái trong kiểm tra ngoại ngữ và một vài suy nghĩ về việc kiểm tra kỹ năng đọc và viết tiếng Anh cho các sinh viên không chuyên ngữ tại Khoa tiếng Anh, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHNN, ĐHQG Hà Nội).

2. Một số trường phái kiểm tra trình độ ngoại ngữ

2.1. Trường phái kiểm tra ngôn ngữ học cấu trúc/cấu trúc luận; kiểm tra từng phần riêng rẽ (*Structuralist linguistic or discrete linguistic point testing*)

Đại diện cho trường phái này là Robert Lado với cuốn sách gây ảnh hưởng lớn “Language Testing” xuất bản 1961. Trường phái này cho rằng ngôn ngữ là một hệ thống và kiến thức ngôn ngữ, là sự tinh thông về các đặc điểm của ngôn ngữ đó. Việc kiểm tra chủ yếu chú trọng đến kiến thức về hệ thống ngữ pháp, về từ vựng và ngữ âm. Các bài kiểm tra ngữ pháp và từ vựng tách rời nhau, và tư liệu kiểm tra thường được đưa ra với ngữ cảnh hạn hẹp, ví dụ, trong từng câu riêng biệt.

Ví dụ 1: *The tea is often served with _____honey and _____slice of ginger.*

A. a/ a

B. a/ some

C. some/ some

D. some/ a

(Câu riêng biệt kiểm tra về ngữ pháp: mạo từ)

Ví dụ 2: *'Blackpink' _____their debut single album in August, 2016.*

A. put up

B. brought out

C. passed down

D. set up

* Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội; Email: dangtoanthu@yahoo.com

(Câu riêng biệt kiểm tra về từ vựng)

Cũng vào những năm 1960, bộ môn khoa học tâm lý mới là đo nghiệm khả năng nhận biết (psychometrics) đã ra đời, góp phần củng cố thêm những phát kiến của trường phái cấu trúc luận. Người ta nhận mạnh rằng, cần thiết phải có sự nhất quán trong việc kiểm tra khả năng của thí sinh, và cho rằng, để đạt được sự nhất quán đó thì bài thi phải gồm nhiều câu đều hướng về một đích chung là kiểm tra cấu trúc ngữ pháp hoặc kiến thức từ vựng. Theo đường hướng này thì dạng bài thi trắc nghiệm là thích hợp nhất.

Ưu điểm: những dạng bài thi trắc nghiệm có độ tin cậy cao vì không bị ảnh hưởng bởi đánh giá chủ quan của người chấm. Yêu cầu của bài thi này rõ ràng, thí sinh biết rõ họ được yêu cầu làm cái gì.

Hạn chế: các nhà nghiên cứu đã chỉ ra rằng việc kiểm tra sự thông thạo về ngôn ngữ của thí sinh là cần thiết, song chưa đủ. Các nhà nghiên cứu so sánh một bài kiểm tra ngoại ngữ với một bài thi lấy bằng lái xe: muốn được cấp bằng lái xe thì thí sinh, ngoài việc phải chứng tỏ mình hiểu biết về luật lệ giao thông thông qua bài thi trên giấy, còn phải thi thực hành tay lái. Nói cách khác, kết quả kiểm tra kiến thức ngữ pháp và từ vựng thôi thì chưa nói lên một cách chính xác kỹ năng giao tiếp - kỹ năng tiếp nhận thông tin (receptive skills: reading and listening) hoặc kỹ năng sản sinh (productive skills: speaking and writing), hoặc cả hai - đạt ở trình độ nào.

2.2. Trường phái kiểm tra ngôn ngữ học xã hội; kiểm tra tích hợp (Sociolinguistic school or integrative tests)

Như đã nói ở trên, các bài kiểm tra/ thi theo cấu trúc luận chưa đưa ra được các chỉ số đầy đủ về sự thành thạo ngôn ngữ. Vào những năm 1970, một xu hướng mới ra đời với tên gọi là trường phái ngôn ngữ học xã hội, đại diện là nhà nghiên cứu John Oller. Tiếp đó là sự phát triển các bài thi đánh giá kiến thức tổng hợp (integrated knowledge) về những đặc điểm mang tính hệ thống của ngôn ngữ (như ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng) trong ngữ cảnh. Những bài thi mới này được gọi là “bài kiểm tra tích hợp” để đối lập với “bài kiểm tra từng phần riêng rẽ” của trường phái cấu trúc luận. Những dạng bài thi mà trường phái này đưa ra là kiểm tra đóng băng (cloze test) hoặc *chính tả*. Cloze test là bài kiểm tra kỹ năng đọc thông qua việc điền từ vào chỗ trống: bài đọc dài khoảng 200 từ, trong đó có câu trọn vẹn, có câu bị cắt bỏ một số từ và được thay thế bằng khoảng trống; theo đó, thí sinh phải tự điền từ vào chỗ trống.

Ví dụ 3: *Being able to speak English allows you to (1)_____ effectively in numerous countries, and this opens up lots of possibilities for you in terms of the countries you could choose to seek (2)_____ in one day – not to mention travel to as a tourist. You won't have to worry about (3) lost when you travel to an English-speaking country, as you'll easily be able to ask for directions, and taking guided tours, ordering food and chatting to the locals will no (4)_____ be a source of stress.*

What's more, careers that involve lots of travel or international exposure, (5)_____ as the airline, tourism and film (6)_____, use English as their (7)_____ language, and many employers in these sectors are likely to (8)_____ evidence of a certain level of proficiency in English before they will consider (9)_____ you. This means that if you can speak English, you'll find that you have a greater number of possible careers to (10)_____ from after you finish at university.

(Dạng Cloze test)

Ưu điểm: Các bài thi/ kiểm tra đóng băng hoặc chính tả có độ tin cậy cao vì không bị ảnh hưởng bởi sự đánh giá mang tính chủ quan của người chấm, hơn nữa việc thiết kế đề thi cũng như việc chấm thi không mất nhiều thời gian.

Hạn chế: Mặc dù các bài thi/ kiểm tra đóng băng hoặc chính tả đòi hỏi thí sinh phải thể hiện “sự kiểm soát đồng thời các mặt khác nhau của hệ thống ngôn ngữ”, nhưng, các bài thi này vẫn chỉ dừng ở mức kiểm tra các kỹ năng giao tiếp một cách gián tiếp. Nói cách khác, các bài thi này mới chỉ đánh giá được năng lực ngôn ngữ mà chưa đánh giá được năng lực giao tiếp hay khả năng thể hiện năng lực ngôn ngữ trong các tình huống xác thực, vì vậy tính hiệu lực của các bài thi này chưa cao.

2.3. Trường phái kiểm tra ngôn ngữ giao tiếp (Communicative language tests)

Ngay từ đầu những năm 1970, một học thuyết mới về ngôn ngữ và sử dụng ngôn ngữ do nhà nghiên cứu Hymes đề xướng đã bắt đầu có ảnh hưởng to lớn đến việc dạy và kiểm tra ngoại ngữ. Theo lý thuyết

này thì việc nắm vững một ngôn ngữ không chỉ bao gồm việc nắm vững các quy tắc ngữ pháp, mà còn bao gồm việc nắm vững các quy tắc sử dụng ngôn ngữ trong ngữ cảnh cụ thể mang tính văn hoá. Ví dụ, cách giao tiếp bằng lời nói hay bằng văn bản với một người bạn thân sẽ không giống như cách giao tiếp với một người không quen biết. Mặc dù học thuyết mới này của Hymes ít nhiều được công nhận ngay từ khi nó ra đời, nhưng phải một thập kỉ sau thì học thuyết này mới thực sự ảnh hưởng đến việc phát triển các bài thi theo xu hướng ngôn ngữ giao tiếp.

Trước khi trình bày kĩ hơn về trường phái ngôn ngữ giao tiếp, chúng tôi xin trình bày hai khái niệm quan trọng: *competence* (sự thông thạo) và *performance* (sự thể hiện kĩ năng). *Competence* (sự thông thạo về ngôn ngữ) là cái mà người học biết về dạng thức của ngôn ngữ và về cách sử dụng những dạng thức ấy trong ngữ cảnh thích hợp; còn *performance* (sự thể hiện kĩ năng) là sự thể hiện phần kiến thức này trong tình huống giao tiếp có ý nghĩa, hay là cái mà người học có thể làm với ngôn ngữ.

Đặc điểm của bài thi theo trường phái ngôn ngữ giao tiếp là: 1/Đây là các bài thi thể hiện *kĩ năng giao tiếp*, tức là kĩ năng tiếp nhận (*receptive skills of reading and listening*) hoặc kĩ năng sản sinh (*productive skills of speaking and writing*), hoặc cả hai; 2/Các bài thi này chú trọng đến *vai trò xã hội* mà thí sinh có khả năng đảm nhận trong cuộc sống thực tế và đưa ra phương tiện để cụ thể hoá yêu cầu của các vai trò xã hội đó. Nói một cách cụ thể hơn, các bài thi này *kiểm tra kĩ năng giao tiếp (productive hoặc receptive, hoặc cả hai) một cách trực tiếp trong những tình huống giao tiếp “đời thực” thích hợp*. Các bài thi này yêu cầu thí sinh thể hiện khả năng sử dụng năng lực ngôn ngữ (*competence*) trong các tình huống giao tiếp có ý nghĩa không được tập dượt trước. Điều này được thể hiện rất rõ trong bài kiểm tra kĩ năng nói giống như dạng bài thi nói của các kì thi IELTS.

Ví dụ 4: *Speaking - Part 1: Interview (2-3 minutes):*

Hello. Could you tell me your full name, please?

Let's talk about your holiday:

- *Where did you go on your last holiday?*
- *How many times have you been there?*
- *Who do you prefer spending your holiday with?*
- *What do you like doing on holiday?*

Speaking - Part 2: Individual long turn (1-2 minutes):

Describe a writer you admire.

You should say:

- *who the writer is*
- *what books/ novels he or she has written/ wrote*
- *which one you like most/ why*
- *What you have learnt from him/ her*
- and why you admire him or her.*

Follow-up questions:

- *Do you know if anyone also admires him/ her?*
- *Have you ever recommended his/her novels to anyone?*

Speaking - Part 3: Discussion (4-5 minutes)

- *In general, how do people become famous?*
- *Do you think to be famous, a person needs to have some special talent (or ability)?*
- *What are the advantages of being famous?*
- *Are there any disadvantages of being famous?*

Vì vậy, để đánh giá sự thuần thục ngôn ngữ một cách đầy đủ trong từng tình huống, người ta luôn đặt ra các câu hỏi như: ngôn ngữ được sử dụng ở đâu, khi nào, như thế nào, với ai, tại sao, về chủ đề nào và với kết quả gì. Trên cơ sở đó, các bài thi khác nhau được thiết kế cho các mục đích khác nhau. Ví dụ, sinh viên du học muốn nhập học ở Anh thì phải trải qua kì thi *IELTS (International English Language Testing System)*, hoặc những người muốn nhập cư vào Úc muốn làm việc trong ngành y tế thì phải thi đỗ kì thi tiếng Anh (ngôn ngữ thứ hai) dành cho nhân viên y tế (*English as a second language for health professionals*), v.v. Ngoài ra, có rất nhiều hình thức đánh giá trình độ thể hiện kĩ năng (*performance*)

assessment), bao gồm các dạng bài thi truyền thống như: dịch xuôi, dịch ngược, viết luận, phỏng vấn, trả lời các câu hỏi ngắn sau bài đọc, hoặc những dạng bài gần đây mới phát triển như: thảo luận nhóm, đóng vai (role play), v.v.

Ví dụ 5: **English - Vietnamese translation.**

1. According to the Vietnamese government, there are 54 ethnic minorities including the Vietnamese, which are known as the Kinh or Viet in Vietnam.

2. Halong Bay is a beautiful natural wonder in northern Vietnam near the Chinese border.

3. We are looking forward to studying at the University of Social Sciences and Humanity.

Vietnamese - English translation.

5. Việt Nam là một quốc gia Đông Nam Á có rất nhiều phong tục tập quán lâu đời.

6. Ước mơ của tôi là đi du lịch khắp nơi để mở mang kiến thức của mình về thế giới.

(Dạng bài dịch xuôi, dịch ngược)

Ưu điểm:

- Các bài thi theo trường phái ngôn ngữ giao tiếp có tính hiệu lực cao vì chúng cho phép đánh giá năng lực giao tiếp của thí sinh trong các tình huống ngôn ngữ đời thực, cho phép đo được năng lực ngôn ngữ thực sự của thí sinh hơn là các dạng bài thi như là thi trắc nghiệm, cho phép dự đoán được năng lực giao tiếp trong tương lai của thí sinh.

- Các bài thi theo trường phái ngôn ngữ giao tiếp có tác động ngược trở lại tích cực đối với chương trình học, cũng như việc dạy và học ngoại ngữ trên lớp. Một ví dụ đơn giản là để hoàn thành tốt các bài thi này thí sinh viên sẽ phải tích cực luyện tập thực hành các kỹ năng giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết) hơn là chỉ làm các bài tập ngữ pháp.

Hạn chế:

- Mất khá nhiều thời gian để thiết kế đề thi và chấm thi. Cần phải đào tạo giáo viên chấm thi, ra đề và do đó cần thêm chi phí. Đối với những kì thi quan trọng như IELTS thi việc thu thập và lưu giữ các file nghe trước và sau các kì thi mất rất nhiều thời gian và công sức.

- Độ tin cậy của các bài thi có thể bị ảnh hưởng bởi sự đánh giá chủ quan của người chấm thi (ví dụ trong các bài thi nói, dịch, hay viết luận).

- Tính hiệu lực cũng có thể bị nghi ngờ vì nội dung bài thi không bao quát được hết chương trình học, v.v.

3. Vài suy nghĩ về việc kiểm tra kỹ năng đọc và viết tiếng Anh cho các sinh viên không chuyên ngữ tại Khoa tiếng Anh, Trường ĐHNH, ĐHQG Hà Nội

a) Việc kiểm tra đang được tiến hành theo cách nào và lí do tại sao?

Ở phần trên chúng tôi đã trình bày vắn tắt các trường phái ngôn ngữ và các cách kiểm tra ngoại ngữ theo các trường phái đó, cũng như những hạn chế và ưu điểm của từng trường phái. Vậy câu hỏi đặt ra là việc kiểm tra đánh giá trình độ ngoại ngữ của sinh viên không chuyên ngữ tại Khoa tiếng Anh, ĐHNH, ĐHQG Hà Nội hiện đang theo cách nào?

Như đã biết, chương trình học ngoại ngữ quyết định nội dung và hình thức kiểm tra đánh giá. Song các công trình nghiên cứu về tác động ngược trở lại của việc kiểm tra đánh giá đối với chương trình giảng dạy, đối với phương pháp giảng dạy trên lớp, và đối với người học và người dạy đã chỉ ra rằng, việc thi cử có ảnh hưởng lớn đến việc học và dạy, đến giáo viên và sinh viên, cũng như chương trình giảng dạy. Ảnh hưởng này có thể tích cực hoặc tiêu cực. Các tài liệu nghiên cứu gần đây và thực tế giảng dạy tiếng Anh trong những năm qua đã cho thấy rằng các bài thi có tác động tích cực khi chúng phù hợp với mục đích và nội dung giảng dạy của khoá học, tức là khi các bài thi này kiểm tra những kiến thức, kỹ năng và ngữ liệu được đưa ra trong chương trình và được dạy trên lớp. Ngược lại, các bài thi sẽ có ảnh hưởng tiêu cực khi mục đích, nội dung giảng dạy và bài thi không ăn khớp với nhau. Khi mà “dạy một đằng thi một nẻo” thì việc dạy và học trên lớp sẽ không gây được hứng thú và tạo được động lực cho sinh viên, và chỉ những kiến thức và kỹ năng sẽ kiểm tra được chú trọng.

Trong thời gian qua, chương trình giảng dạy tiếng Anh cho các sinh viên không chuyên ngữ ở ĐHNH, ĐHQG Hà Nội, đã không ngừng được cải tiến: cả bốn kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết đều đã được chú trọng. Các giáo trình tiếng Anh mới biên soạn theo phương pháp giảng dạy ngoại ngữ hiện đại

đã được đưa vào giảng dạy, ví dụ như giáo trình *Complete PET* by Emma Heyderman and Peter May; *Speakout* by Antonia Clare, JJ Wilson hay *High Note 2* by Pearson. Ngoài ra, các tài liệu bổ trợ và giáo trình chuyên ngành đã, đang được biên soạn và dần dần điều chỉnh hoàn thiện sao cho phù hợp với mục đích và nhu cầu của người học, ví dụ như: *tài liệu Tiếng Anh xã hội nhân văn 1 và 2 (XHNV 1 và 2: English for Social Sciences and Humanities)* của Bộ môn tiếng Anh Xã hội nhân văn. Bên cạnh đó, phương pháp dạy giao tiếp và các phương pháp khác cũng được kết hợp để sao cho việc dạy và học có được kết quả tốt nhất, tùy theo trình độ của sinh viên và số sinh viên trong mỗi lớp.

Song song với những thay đổi về chương trình, giáo trình và phương pháp giảng dạy, việc kiểm tra đánh giá trình độ tiếng Anh của sinh viên trong thời gian gần đây đã được cải tiến nhiều. Nếu như phương pháp giảng dạy tiếng Anh cho sinh viên không chuyên trong trường hiện nay là sự kết hợp của các phương pháp, thì cách thức kiểm tra đánh giá môn tiếng Anh cũng là sự kết hợp các dạng bài của cả ba trường phái nêu ở phần I.

b) Kết quả đạt được:

Trong những năm gần đây, các bài thi tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ đã được cải tiến nhiều, gồm các dạng bài như: bài thi kỹ năng nghe và nói thường được tiến hành vào tuần 10 và tuần 13 của kì học; và bài tổng hợp kiểm tra các kỹ năng: đọc, viết, dịch vào cuối kì gồm các dạng bài như: câu hỏi trắc nghiệm về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng (*Multiple-choice Questions*), một bài đọc điền từ vào chỗ trống (*Gap-filling*), một bài đọc về ghép thông tin (*Matching*) hoặc đọc hiểu rồi chọn đáp án dạng trắc nghiệm (*Reading Comprehension*), viết một đoạn văn (*Paragraph Writing*), hoặc viết thư dạng thân mật hoặc trang trọng (*Writing Informal or Formal Letters*), năm câu dịch trong đó có ba câu dịch xuôi và hai câu dịch ngược (*Translation*).

Với những cải tiến về cách dạy và cách kiểm tra đánh giá như vậy, kết quả đầu ra của sinh viên cũng được cải thiện rất nhiều. Trong quá trình học, sinh viên có hứng thú và cố gắng học hơn vì chương trình học hợp lý, phù hợp với nhu cầu học của sinh viên và kiểm tra đánh giá được đầy đủ các kỹ năng của sinh viên: nghe, nói, đọc, viết, dịch. Kết quả của bài thi cũng cho sinh viên thấy rõ được thực lực của mình: thế mạnh ở kỹ năng nào để tiếp tục phát uy và những điểm yếu cần được chú trọng hơn để tiến bộ. Khi ra trường, sinh viên thấy tự tin hơn rất nhiều với khả năng ngoại ngữ của mình.

c) Ý kiến đề xuất:

Sau đây, chúng tôi xin được trình bày lí do tại sao bài thi cho sinh viên không chuyên cần được cải tiến có các dạng bài như vậy:

Thứ nhất, điều kiện giảng dạy tiếng Anh ở trường:

Trình độ sinh viên: trình độ của sinh viên không chuyên ngữ trong trường thường không đồng đều, do vậy, tùy theo trình độ sinh viên mà có thể áp một hoặc một vài dạng bài cố định nào đó cho tất cả các trình độ. Ví dụ: với trình độ tiếng Anh ở học phần 1 (học kì 1 năm thứ nhất) thì bài viết có thể là dạng viết thư thân mật cho gia đình, bạn bè về các chủ đề quen thuộc và đơn giản (*Informal letters*); còn học phần 2 (học kì 2 năm thứ nhất) thì bài viết là viết một đoạn văn trên dưới 100 từ để sinh viên làm quen dần với các dạng bài viết dài hơn ở các học phần sau (*Paragraph Writing*). Tuy nhiên, cả hai học phần này đều áp dụng dạng bài dịch xuôi và ngược các câu đơn lẻ. Do thời lượng giảng dạy có hạn nên cũng không thể đưa ra yêu cầu quá cao trong các bài thi cuối kì.

- Điều kiện tổ chức thi: Do lượng sinh viên học ngoại ngữ ở các trường không chuyên khá đông, mà số lượng giáo viên lại hạn chế nên Khoa tiếng Anh đưa bài thi Nghe và Nói vào các tuần 10 và 13 của tuần học (đối với các học phần 1 và 2); còn cuối kì sinh viên chỉ làm bài kiểm tra kỹ năng Đọc, Viết và Dịch. Với cách thức thi như vậy, giáo viên hoàn toàn vẫn có thể đánh giá được toàn bộ các kỹ năng của sinh viên mà không bị quá tải cho đợt thi cuối kì.

Thứ hai, kiểm tra kiến thức về ngữ pháp và từ vựng:

Các tài liệu nghiên cứu về kiểm tra đánh giá chỉ ra mối liên hệ giữa kiến thức về ngữ pháp và từ vựng với kỹ năng đọc và viết. Tuy các nhà nghiên cứu chưa chỉ ra cụ thể phần kiểm tra kiến thức ngữ pháp và từ vựng nên chiếm bao nhiêu phần trăm của bài thi đọc - viết, nhưng khi đưa các kiến thức đó vào phần bài thi trắc nghiệm hay dạng bài như: *kiểm tra đóng băng (Cloze Test)*, *sửa lỗi sai*, *xây dựng câu*, *viết lại câu nghĩa không đổi* đan xen cùng các bài viết thư, viết đoạn và dịch để nhằm mục đích giữ cho kết quả

của bài thi không hoàn toàn bị ảnh hưởng bởi sự đánh giá chủ quan của người chấm, tức là không làm ảnh hưởng đến độ tin cậy của bài thi.

Nếu chỉ nhìn vào các dạng bài thi tiếng Anh không thôi và đưa ra kết luận xem bài thi đã đổi mới nhiều cho phù hợp với chương trình và phương pháp giảng dạy trên lớp hay chưa thì thực sự chưa thật chính xác. Dạng bài thi trong mấy năm gần đây về *hình thức* thì có vẻ không khác nhiều so với những năm trước, song nếu xem xét kỹ về *nội dung* thì sẽ thấy có sự khác biệt. Bài thi đọc - viết tiếng Anh cuối kì đã có sự thay đổi quan trọng về độ dài, thang điểm và nội dung. Phần trắc nghiệm của bài thi đã giảm từ 50 câu còn 40 câu trắc nghiệm, tuy nhiên độ dài bài đọc tăng lên so với trước, thang điểm dành cho bài viết đoạn văn hoặc viết thư cũng tăng từ 10 điểm lên 20 điểm trên thang điểm 100. Ngoài ra, nội dung các phần trong bài cũng bám sát với chương trình học trên lớp hơn.

Tóm lại, các phần kiểm tra các kĩ năng đọc - viết một cách trực tiếp cho sinh viên không chuyên đã được thiết kế hợp lí hơn và thang điểm cho từng phần cũng được phân bổ hợp lí, và như vậy bài thi cũng đã đánh giá được kĩ năng đọc- viết của sinh viên chính xác hơn, đồng thời khuyến khích sinh viên có động lực học hơn và giáo viên cũng chú trọng đến hai kĩ năng này trên lớp hơn.

4. Kết luận

Trên đây tác giả mới trình bày một cách khái quát các trường phái ngôn ngữ và các cách kiểm tra đánh giá kĩ năng đọc-viết cho sinh viên theo hướng các trường phái ngôn ngữ đó. Tác giả cũng đã đưa ra các dạng thức (format) của một số bài thi đã và đang được áp dụng cho sinh viên không chuyên ngữ tại Khoa tiếng Anh, Trường ĐHNH, ĐHQG Hà Nội. Những phân tích, nhận xét ở trên chủ yếu dựa trên kinh nghiệm và thực tế giảng dạy, nghiên cứu của tác giả trong những năm qua. Với tinh thần học hỏi và xây dựng, tác giả rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của các thầy, cô và các bạn đồng nghiệp, để có thể ngày càng nâng cao chất lượng giảng dạy tiếng Anh cho sinh viên không chuyên tại Trường Đại học Ngoại ngữ nói riêng, và các trường đại học khác nói chung.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Brown J. D. and Hudson T. (1996), *The alternatives in language assessment*, TESOL QUARTERLY, Vol.32, N04, Winter 1996.
2. McNamara T. (2000), *Language testing*, Oxford University Press.
3. Weir, C. J. (1990), *Communicative language testing*, Prentice Hall International, UK.
4. Weir, C. J. (1990), *Understanding and developing language test*, Prentice Hall International, UK.

Some ways of language testing and the application of testing students on reading and writing skills in English

Abstract: In recent years together with innovations in teaching methods and in the curriculum of foreign languages, particularly English, the testing of students' language ability has been updated in order to evaluate their language skills more accurately and encourage positive washback effect on classroom learning and teaching.

In this paper after the author briefly introduces three ways of language testing (structuralist linguistic school or discrete linguistic point testing, sociolinguistic school or integrative tests, and communicative language school or communicative language tests), she examines the end-of-term tests of English currently used in the university, and maintains that the tests are a combination of tasks of the above-mentioned schools. She also argues that over the last two years there have been important changes in the test length, content and score allocation between its sections. Particularly, the test tasks that measure reading and writing skills directly have been designed more sensibly and have been given more points in comparison with other tasks, thus the tests are able to assess students' reading and writing skills more exactly, and to encourage students and teachers to pay more attention to these skills in the classroom.

Key words: schools; evaluate; foreign language testing; washback effect; reading and writing skills.